

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 12/2023/DS-ST
Ngày 18-4-2023
V/v “tranh chấp hợp đồng hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Ông Nguyễn Văn H

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990

Trú tại: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: bà Huỳnh Thanh Th, sinh năm 1963 (có mặt). Địa chỉ: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2023).

2. *Bị đơn:* ông Lê Tấn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng V và người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thanh Th trình bày: Bà V với vợ chồng ông T và bà H hợp đồng góp vốn làm ăn, ông T chịu trách nhiệm chung còn bà V là người góp vốn. Ngày 20/6/2018 âm lịch, ông T khai hui thỏa thuận mức góp vốn 2.000.000 đồng, gồm 23 người tham gia, hình thức 02 tháng khai 01 lần trong đó bà V tham gia 02

phần, ai bỏ thăm cao nhận được tiền và mỗi lần khui ông T hưởng hoa hồng 500.000đồng, bà V đã góp vốn được 20 lần của 02 phần x 2.000.000đồng = 80.000.000đồng thì ông T thông báo ngừng hụi. Đến ngày 18/10/2021 vợ chồng ông T và bà H viết giấy mượn tiền 67.000.000đồng (do đã trừ lại các phần góp vốn tôi nợ bà H) có hẹn đến ngày 18/11/2021 trả 30.000.000đồng và đến ngày 18/02/2022 sẽ trả 37.000.000đồng nhưng vợ chồng ông T không trả. Nay bà yêu cầu ông T và bà H trả 67.000.000đồng.

Bị đơn ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng chúng tôi làm đầu thảo hụi, bà Nguyễn Thị Hồng V tham gia 02 phần dây hụi 2.000.000đồng, loại hụi 02 tháng khui 01 lần. Đến khi tôi vỡ hụi thì còn thiếu lại bà V 67.000.000đồng. Nay vợ chồng tôi đồng ý trả số tiền 67.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho bà V mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn đảm bảo theo quy định. Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà V cung cấp chứng cứ chứng minh về việc có tham gia dây hụi trong đó 02 phần, do ông Lê Tấn T làm đầu thảo và đến khi vỡ hụi ông T và bà Nguyễn Thị H (vợ ông T) làm giấy biên nhận ngày 18/10/2021 nợ hụi bà V số tiền 67.000.000đồng. Phía ông T, bà H thống nhất có thiếu bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền hụi 67.000.000đồng và đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần phía nguyên đơn không đồng ý, do đó nguyên đơn yêu cầu trả tiền hụi 67.000.000đồng là có cơ sở. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ -CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Hồng V cung cấp chứng cứ 01 hợp đồng góp vốn làm ăn ngày 20/6/2018 âm lịch và 01 giấy mượn tiền ngày 18/10/2021 của ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H. Tuy

nhiên bà V với ông T và bà H thừa nhận với nhau là nợ hui, do đó xác định là “Tranh chấp hợp đồng hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Hồng V với ông Lê Tấn T có thỏa thuận hợp đồng góp vốn có lãi suất, do ông T làm đầu thảo bà V là hui viên. Đối với hợp đồng góp vốn khai ngày 20/6/2018 âm lịch, thỏa thuận mức vốn 2.000.000đồng, thời gian 02 tháng khai 01 lần, gồm 23 hui viên trong đó bà V tham gia 02 phần, mỗi lần khai ông T được hưởng hoa hồng 500.000đồng. Đối với bà Thủy (người đại diện) khai trong hợp đồng góp vốn ngày 20/6/2018 âm lịch đến ngày 30/8/2021 âm lịch ông T ngừng hui bà V đã đóng cho ông T 20 lần x 02 phần x 2.000.000đồng/mỗi lần khai = 80.000.000đồng. Còn ông T và bà H thừa nhận như lời trình bày của bà Thủy nhưng phải choàng hui cho các hui viên khác và phải đăng lãi nhiều quá nên ông bà không xoay xở được, từ đó ông bà phải thông báo cho các hui viên ngưng hui không tiếp tục nữa

[2.1] Còn đối với giấy mượn tiền ngày 18/10/2021 của vợ chồng ông T và bà H ký nhận. Xét thấy số tiền nợ thực chất đây là tiền hui bà V đóng cho ông T trong dây hui ngày 20/6/2018 âm lịch cho đến ngày 30/8/2021 âm lịch ông T tuyên bố vỡ hui nhưng ông không có tiền trả lại bà V, nên vợ chồng ông T ký giấy nhận nợ. Ngoài ra hai bên thừa nhận số tiền hui bà V đóng 80.000.000đồng, nhưng bà V và vợ chồng ông T thỏa thuận các phần hui khác bà V còn nợ vợ chồng ông T số tiền 13.000.000đồng được khấu trừ số tiền hui 80.000.000đồng, vì vậy vợ chồng ông T còn lại nợ tiền hui của bà V 67.000.000đồng, nên ghi nhận sự thống nhất này.

[2.2] Về thời gian trả nợ, tại phiên tòa bà Thủy yêu cầu vợ chồng ông T và bà H có nghĩa vụ trả 67.000.000đồng dứt điểm một lần, còn vợ chồng ông T xin trả nhiều lần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà V đồng ý. Xét thấy việc hợp đồng góp vốn làm ăn do các bên tự nguyện thỏa thuận, cũng như hợp đồng góp vốn xoay vòng đang thực hiện mà ông T tuyên bố vỡ hui ngừng không tiếp tục nữa do phải đóng choàng cho nhiều hui viên khác và phải trả lãi nhiều không có tiền xoay xở được nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh và việc tự ý ngưng hui là không đúng với thỏa thuận giữa đầu thảo và hui viên. Mặc khác sau khi ký giấy mượn tiền ngày 18/10/2021 vợ chồng ông T có hứa với bà V đến ngày 18/11/2021 trả 30.000.000đồng và đến ngày 18/02/2022 trả 37.000.000đồng, nhưng vợ chồng ông T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ với bà V, do đó bà Thủy yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả tiền nợ hui 67.000.000đồng là phù hợp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về lãi suất, tại phiên tòa bà Thủy không yêu cầu ông T và bà H trả lãi, nên không xem xét.

[4] Về án phí: ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà V yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, húy, biểu, phùng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V.

1. Buộc ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Hồng V 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) tiền nợ hui.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hồng V 1.675.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004400 ngày 10/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Th.

3. Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;

-*VKSND huyện Tân Th;*

-Chi cục THADS huyện Tân Th;

-Các đương sự;

-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H

